

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghi

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 23/4/2019 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ 02, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 04, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân Ph, sinh năm 1976. Địa chỉ: 67 T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 20/3/2019). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 8 T, phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn L), sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1975; địa chỉ: 593 T, phường HK, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1978; địa chỉ: 759 Tr, quận TK, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981; địa chỉ: Kiệt 161/3 đường HK, phường Th, quận TK, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th1; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Lý Thị Th2, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Em Nguyễn Văn N, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Em Nguyễn Thị Bảo C, sinh năm 2005; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Em Nguyễn Văn T, sinh năm 2008; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thị Bảo C và em Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn Ch và bà Lý Thị Th2; cùng địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1936; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã chết năm 2019).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M:

Ông Nguyễn D, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 2, thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Xuân Ph trình bày:

Cha mẹ của các bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị H là cụ ông Nguyễn M1 (chết năm 1994) và cụ bà Lê Thị Th3 (chết năm 2010) có để lại di sản chưa chia thừa kế là 01 ngôi nhà cấp 4 và 1.476m^2 đất thổ cư tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C823503 ngày 22/7/1994 cho bà Lê Thị Th3). Cha mẹ bà Th và bà H sinh được 06 người con, trong đó có hai người con đã chết từ nhỏ và chưa làm đăng ký khai sinh, khai tử, bốn người con còn lại là:

1. Bà Nguyễn Thị M1 (chết năm 2019, có 02 người con là Nguyễn Duyên và Nguyễn Thị Hồng).

2. Bà Nguyễn Thị Th.

3. Bà Nguyễn Thị H.

4. Ông Nguyễn M2 (sinh năm 1942, chết năm 2008, có vợ là Nguyễn Thị Th1 và các con gồm: Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn H3).

Khi cha mẹ của bà Th và bà H còn sống có gọi anh chị em của bà Th và bà H là ông Nguyễn M2 và bà Nguyễn Thị M1 về cắt cho mỗi người một phần đất nằm trong thửa 775, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.000m^2 , cụ thể cắt cho ông Nguyễn M2 1.534m^2 , cắt cho bà Nguyễn Thị M1 667m^2 , hiện nay họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước khi mẹ của bà Th và bà H mất có trăng trối muốn cắt cho hai chị em bà Th, bà H mỗi người 200m^2 đất thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Th3) nhưng không có di chúc. Đến nay bà Th và bà H chưa nhận được phần di sản của cha mẹ để lại theo mong muốn của mẹ bà Th và bà H do ông Nguyễn Văn S (người đang nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823503 ngày 22/7/1994 cho bà Lê Thị Th3) và ông Nguyễn Văn Ch (người đã xây dựng nhà trên một phần đất di sản thừa kế) nhiều lần hứa hẹn thực hiện cắt đất phân chia cho bà Th và bà H nhưng lại không thực hiện.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823503 ngày 22/7/1994 cho bà Lê Thị Th3 có diện tích 1.476m^2 đất thổ cư tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 tuy nhiên theo số liệu đo đạc thực tế của Trung tâm đo đạc Kỹ thuật Tài nguyên

Môi trường TP Đà Nẵng thì thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 có diện tích là 1.625,7m².

Ngày 29/6/2020, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H và các đương sự khác trong vụ án đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó tất cả mọi người đã thống nhất việc chia cho bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 202m², chia cho bà Nguyễn Thị Th phần đất có diện tích 202m² có sơ đồ phân chia kèm theo. Theo thỏa thuận này thì các bên thống nhất là sẽ đập bỏ ngôi nhà cấp 4 để cắt đất chia cho các bà Th, H nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ các bà là cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng có diện tích đo đạc thực tế của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng là 1.625,7m² theo pháp luật. Đối với các diện tích đất 2 lúa và đất màu còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị Th3 thì các bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H mỗi người được nhận 200m² (*trong đó 100 m² loại đất ở, 100 m² loại đất trồng cây H2 năm khác*), ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 cũng như di sản của các cụ chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m².

Ông là cháu nội của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 và là người sống cùng ông bà nội từ nhỏ, sau khi lớn lên lấy vợ sinh con thì ông vẫn là người sống cùng và phụng dưỡng ông bà nội đến khi ông bà chết. Quá trình sinh sống thì ông và vợ đã xây dựng trên một phần đất của ông bà nội một ngôi nhà hai tầng cùng hệ thống hàng rào cổng ngõ cố định đến nay. Việc xây dựng nhà của ông được sự thống nhất của mọi người. Năm 2010, bà nội của ông là Lê Thị Th3 có lập 01 bản di chúc viết tay giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và 1.476m² cho ông được toàn quyền sử dụng có ông Nguyễn Văn S làm chứng. Tuy nhiên, qua thời gian và vì lũ lụt nên hiện bản di chúc này đã mất rồi.

Theo biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 ông đồng ý với yêu cầu của bà Th và bà H, chia cho bà Th và bà H mỗi người diện tích đất 200m², đề nghị chia cho ông diện tích đất 391,1m², phần diện tích đất còn lại sẽ giao cho các ông Nguyễn Văn S,

Nguyễn Hòa, Nguyễn Văn Là và ông được đồng quyền sở hữu sử dụng. Theo văn bản trình bày ý kiến đề ngày 31/12/2020 ông trình bày ý kiến thống nhất với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Theo biên bản hòa giải ngày 29/5/2020, ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Ông đồng ý với yêu cầu của cô Th và cô H, chia đất theo yêu cầu của các cô và không có ý kiến gì khác. Theo văn bản trình bày ý kiến đề ngày 31/12/2020 ông thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 trình bày: Theo biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Ông thống nhất chia cho bà Th và bà H mỗi người diện tích đất 200m², đề nghị chia cho ông Nguyễn Văn Ch diện tích đất mà ông Ch đã xây dựng nhà và hàng rào là 391,1m², phần diện tích đất còn lại sẽ giao cho các ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Văn Là và Nguyễn Văn Ch được đồng quyền sở hữu sử dụng. Theo văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/12/2020 ông trình bày ý kiến thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé (Là) trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Ông thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Kim H2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là

1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị H4 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Ông thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời có đơn từ chối nhận di sản và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bà Lý Thị Th2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại, thống nhất về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.625,7m². Bà thống nhất với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày

29/6/2020 và không có ý kiến tranh chấp gì đồng thời đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện, Đơn cam kết không bỏ sót hàng thừa kế, trích lục khai sinh và bản sao CMND của bà Th và bà H; trích lục khai tử của cụ bà Lê Thị Th3, cụ ông Nguyễn M1, ông Nguyễn M2; bà Nguyễn Thị M1; bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn xin xác nhận không đăng ký khai sinh và khai tử, đơn đề nghị bỏ S người tham gia tố tụng; văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/6/2020, hồ sơ đo đạc thửa đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, Chứng thư thẩm định giá, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản xác minh của Tòa án; công văn số 4399/CNVPĐKHV ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hòa Vang, bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đơn từ chối nhận di sản.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đề nghị xử giao cho ông Ch diện tích đất 391,1m², giao cho bà Th diện tích đất 200m², giao cho bà H diện tích đất 200m², giao cho các ông S, Ch, Bé, Hòa diện tích đất còn lại là 834,6m² và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Hòa Vang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp L1 lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] *Về kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M1 chết nên Tòa án đã đưa những người thừa kế của bà M1 là ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thị H4 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M1 theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế:* Cụ ông Nguyễn M1 chết ngày 16/02/1994, cụ bà Lê Thị Th3 chết ngày 12/10/2010; ngày 26/3/2019 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] *Về di sản thừa kế:* Các bên đương sự đều thống nhất xác định di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và 01 ngôi nhà cấp bốn nằm trên đất. Diện tích thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C823503 ngày 22/7/1994 do UBND huyện Hòa Vang cấp cho bà Lê Thị Th3 là 1.476m² đất thổ cư nhưng diện tích đo đạc thực tế do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đo được là 1.625,7m² (*diện tích đo đạc thực tế tăng lên 149,7m²*). Vị trí tứ cận thửa đất như sau: Phía đông có một phần giáp đường bê tông dài 23,75 m, một phần giáp đất của bà Nguyễn Thị M1 dài 46,27 m; phía tây giáp đường bê tông dài 30,53m; phía nam giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Th1 dài 44,08m; phía bắc giáp đường bê tông dài 31,73m. Các bên đương sự đều thống nhất với mốc giới, ranh giới theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, các hộ sử dụng đất liền kề đều thống nhất mốc giới, ranh giới và không có ý kiến khiếu nại gì. Như vậy có căn cứ xác định di sản

của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết để lại mà các đương sự yêu cầu Tòa án chia thừa kế là 01 ngôi nhà cấp bốn (*gồm nhà chính, nhà dưới, phòng kho và chái bếp có diện tích xây dựng 94,81m²*, kết cấu: *Móng đá, trụ gạch, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền gạch thẻ và xi măng, mái lợp ngói và xà gỗ gỗ*) và quyền sử dụng đất có diện tích **1.625,7m²** tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Theo chứng thư thẩm định giá số 5190318/CT-BTCVALUEĐN ngày 09/12/2019 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTC-Value – Chi nhA Đà Nẵng thì quyền sử dụng đất diện tích 1.625,7m² có giá trị là **4.893.343.944 đồng** (*4.825.560 đồng/m² đất ở, 2.417.492 đồng/m² đất trồng cây H2 năm khác*), 01 ngôi nhà cấp bốn (*nhà thờ*) có giá trị **30.882.800 đồng**. Tổng giá trị di sản thừa kế là **4.924.226.744 đồng**.

Đối với các diện tích đất 2 lúa và đất màu còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị Th3 các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với ngôi nhà 2 tầng và hàng rào công ngõ trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch thì các đương sự không có tranh chấp gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] *Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Ch có trình bày ý kiến cho rằng vào năm 2010, bà nội của ông là cụ bà Lê Thị Th3 có lập 01 bản di chúc viết tay giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và 1.476m² cho ông được toàn quyền sử dụng có ông Nguyễn Văn S làm chứng. Tuy nhiên, qua thời gian và vì lũ lụt nên ông xác định hiện bản di chúc này đã mất rồi và cũng không có ý kiến khiếu nại gì, đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật. Các đương sự không ai cung cấp được bản di chúc hợp pháp của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 nên Hội đồng xét xử xác định cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 chết không để lại di chúc và di sản thừa kế của các cụ được chia theo pháp luật. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[2.4] *Về hàng thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3:* Cụ ông Nguyễn M1 chết năm 1994, hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn M1 gồm có: Cụ bà Lê Thị Th3, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn M2 (*ông M2 đã chết nên vợ là Nguyễn Thị Th1 và các con gồm: Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Hòa được hưởng kỷ phần thừa kế của*

ông Nguyễn M2). Cụ bà Lê Thị Th3 chết năm 2010, hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Lê Thị Th3 gồm có: Bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn M2 (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn M2 là các con Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Hòa).

[2.5] Về công sức bảo quản, duy trì di sản: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch là cháu nội và là người sống cùng cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 từ nhỏ, khi lớn lên lấy vợ sinh con thì ông Ch vẫn là người sống cùng, trực tiếp sử dụng đất và phụng dưỡng ông bà nội đến khi ông bà chết, sau khi các cụ Nguyễn M1 và Lê Thị Th3 chết, ông Ch là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Như vậy ông Ch là người có công sức lớn trong việc phụng dưỡng cũng như bảo quản, duy trì và làm tăng giá trị của di sản nên cần cần trích 1 phần di sản chia cho ông Ch là hợp lý. Tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 29/6/2020 các đương sự đã thống nhất việc chia cho ông Ch được quyền sử dụng một phần đất. Điều đó thể hiện việc các đương sự khác cũng thừa nhận công sức bảo quản, duy trì di sản của ông Ch. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình sử dụng đất, ông Ch đã xây dựng ngôi nhà 2 tầng và hàng rào cổng ngõ khép kín trên 1 phần diện tích đất là di sản của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3. Việc ông Ch xây dựng nhà, hàng rào cổng ngõ thì những người thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 đều biết và không có ý kiến gì. Do đó, thấy rằng cần trích công sức bảo quản, duy trì di sản cho ông Ch là một phần diện tích đất theo hiện trạng mà ông Ch đã xây dựng nhà và hàng rào, cổng ngõ là phù hợp. Theo số liệu đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng thì diện tích đất mà ông Ch đã xây dựng nhà và hàng rào cổng ngõ là 391,1m². Như vậy phần diện tích đất ông Ch được nhận là 391,1m².

[2.6] Về từ chối nhận di sản: Quá trình tố tụng thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 là bà Nguyễn Thị M1 chết. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M1 là ông Nguyễn Duyên và bà Nguyễn Thị Hồng có đơn từ chối nhận di sản. Theo đó ông Duyên và bà Hồng đều thống nhất từ chối nhận di sản của cụ Nguyễn M1 và cụ Lê Thị Th3 chết để lại và không có ý kiến khiếu nại, tranh chấp gì. Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 và bà Nguyễn Thị L1 là các con của ông Nguyễn M2 cũng có đơn từ chối nhận di sản. Hội đồng xét xử xét thấy, việc từ chối nhận di sản của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên căn cứ Điều 620 Bộ luật dân sự chấp nhận.

[2.7] Về chia thừa kế: Các nguyên đơn có yêu cầu chi di sản thừa kế bằng hiện vật. Xét thấy di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 1.625,7m² nên đủ điều kiện chia theo hiện vật nên chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo hiện vật của các nguyên đơn. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M1 từ chối nhận di sản nên di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3

là quyền sử dụng đất có diện tích $1.625,7m^2$ sau khi trừ đi quyền sử dụng đất có diện tích $391,1m^2$ (là công sức bảo quản, duy trì di sản cho ông Ch) $= 1.234,6m^2$ sẽ được chia thành 3 kỷ phần cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn M2, mỗi kỷ phần có diện tích đất là $411,5 m^2$. Tuy nhiên, quá trình tổ tụng các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đều xác định chỉ yêu cầu được chia phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H mỗi người là $200m^2$. Xét thấy, diện tích đất yêu cầu được chia của bà Th và bà H nhỏ hơn diện tích đất theo kỷ phần mà các bà được hưởng, nhưng đây là sự tự nguyện của bà Th và bà H và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần di sản thừa kế còn lại là quyền sử dụng đất có diện tích $834,6m^2$ và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất được chia cho ông Nguyễn M2 (ông Nguyễn M2 đã chết năm 2008 có vợ là Nguyễn Thị Th1 và các con gồm: Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Hòa). Các bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị L1 đều có đơn từ chối nhận di sản đồng thời các bà và bà Nguyễn Thị Th1 có văn bản trình bày ý kiến thống nhất với việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 29/6/2020, theo đó đồng ý chia di sản thừa kế của các cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3 cho các bà Th, H và các ông S, Ch, Bé, Hòa và không có ý kiến khiếu nại gì. Vì vậy, kỷ phần của ông Nguyễn M2 được nhận là $834,6m^2$ và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất sẽ được giao cho những người con còn lại của ông M2 là các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Văn Hòa cùng sở hữu, sử dụng là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các đương sự.

Theo công văn số 4399/CNVPĐKHV ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hòa Vang xác định tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 có $400m^2$ đất ở. Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 được chia thành 4 phần nên cần chia đều diện tích đất ở cho cả 4 phần là phù hợp. Do đó, cần giao cho các bà Th và H mỗi bà $100m^2$ đất ở, giao cho ông Nguyễn Văn Ch $100m^2$ đất ở và giao cho các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Văn Hòa $100m^2$ đất ở là phù hợp.

[2.8] Như vậy phần di sản bà Th được nhận là quyền sử dụng đất có diện tích $200m^2$ ($100m^2$ đất ở, $100m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá là 724.305.200 đồng. Phần di sản bà H được nhận là quyền sử dụng đất có diện tích $200m^2$ ($100m^2$ đất ở, $100m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá là 724.305.200 đồng. Phần di sản của ông Nguyễn M2 được nhận (do các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Văn Hòa đồng sở hữu, sử dụng) là quyền sử dụng đất có diện tích $834,6m^2$, ($100m^2$ đất ở, $734,6m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá là 2.258.445.623 đồng và 01 ngôi nhà cấp bốn có giá trị 30.882.800 đồng (Tổng giá trị nhà và đất là 2.258.445.623 đồng + 30.882.800 đồng = 2.289.328.423

đồng). Phần diện tích đất ông Nguyễn Văn Ch được nhận là 391,1m² (100m² đất ở, 291,1m² đất trồng cây hàng năm khác) có trị giá là 1.186.287.921 đồng.

[2.9] Quá trình tố tụng các đương sự cung cấp văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 29/6/2020 thể hiện các đương sự đã có thỏa thuận việc phân chia di sản và lập sơ đồ phân chia. Tuy nhiên, xét thấy việc phân chia quyền sử dụng đất cho bà Th và bà H làm cất ngang phần tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 (nhà thờ) nhưng cấu trúc ngôi nhà cấp 4 là không thể phân chia. Các đương sự cũng thỏa thuận chia lô đất ra thành các lô nhỏ cho các ông Hòa, Bé, Ch, S nhưng các lô này có các cạnh chiều ngang không đủ 5m và còn chồng lấn với phần đất của hộ giáp ranh là ông Nguyễn Duyên. Việc thỏa thuận này phân chia này là không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho các bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H.

[3.2] Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí đối với giá trị di sản được nhận (1.186.287.921 đồng) là 47.589.000 đồng.

[3.3] Các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Bé (Là), Nguyễn Văn Hòa phải chịu án phí đối với giá trị di sản được nhận (2.289.328.423 đồng/4), chia phần mỗi người phải chịu là 26.893.000 đồng.

[4] Về chi phí thẩm định giá 17.000.000 đồng, chi phí đo đạc: 8.390.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, tổng cộng là 27.390.000 đồng các đương sự được nhận di sản thừa kế phải cùng chịu theo quy định của pháp luật, cụ thể bà Th phải chịu 6.847.500 đồng, bà H phải chịu 6.847.500 đồng, ông Ch phải chịu 6.847.500 đồng + 1.711.875 đồng = 8.559.375 đồng, các ông S, Hòa, Bé (Là) mỗi người phải chịu 1.711.875 đồng. Do bà H đã nộp tạm ứng các chi phí trên nên cần buộc các ông bà là Th, Ch, S, Bé (Là), Hòa phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 74, 147, 155, 161, 165, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 98, 99, 166, 167, 179, 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn Ch về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Tuyên xử:

1. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích ***1.625,7m²*** tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và 01 ngôi nhà cấp 4 nằm trên đất là di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn M1 và cụ bà Lê Thị Th3. Di sản có giá trị là ***4.924.226.744 đồng*** (*bốn tỷ chín trăm hai bốn triệu hai trăm hai sáu nghìn bảy trăm bốn bốn đồng*).

2. Trích công sức bảo quản, duy trì, làm tăng giá trị di sản và chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Văn Ch được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu ***A***, diện tích 391,1m² (*100m² đất ở, 291,1m² đất trồng cây hàng năm khác*) thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trị giá 1.186.287.921 đồng (*một tỷ một trăm tám sáu triệu hai trăm tám bảy nghìn chín trăm hai một đồng*). Lô đất có vị trí tứ cận như sau: Phía bắc và phía tây giáp đường bê tông, phía nam giáp đất bà Nguyễn Thị Th1, phía đông giáp lô đất ký hiệu B và D (*trên đất có 01 ngôi nhà 2 tầng có diện tích xây dựng 122,22m², diện tích sử dụng 214,326m² của ông Nguyễn Văn Ch và bà Lý Thị Th2*).

2.2. Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu ***B***, diện tích 200 m² (*100m² đất ở, 100m² đất trồng cây hàng năm khác*) thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trị giá 724.305.200 đồng (*bảy trăm hai bốn triệu ba trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng*). Lô đất có vị trí tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường bê tông, phía nam giáp lô đất ký hiệu D, phía đông giáp đất của bà Nguyễn Thị M1, phía tây giáp lô đất ký hiệu A.

2.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu **C**, diện tích 200 m^2 (100 m^2 đất ở, 100 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trị giá 724.305.200 đồng (*bảy trăm hai bốn triệu ba trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng*). Lô đất có vị trí tứ cận như sau: Phía bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị M1, phía nam giáp lô đất ký hiệu D, phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp lô đất ký hiệu D.

2.4. Giao cho các ông: Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B (L), Nguyễn Văn H3 được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu **D**, diện tích $834,6\text{ m}^2$ (100 m^2 đất ở, $734,6\text{ m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tổ 02 thôn N, xã HP, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn (*gồm nhà chính, nhà dưới, phòng kho và chái bếp có diện tích xây dựng $94,81\text{ m}^2$ kết cấu: Móng đá, trụ gạch, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền gạch thẻ và xi măng, mái lợp ngói và xà gỗ gỗ*). Trị giá nhà và đất là 2.289.328.423 đồng (*hai tỷ hai trăm tám chín triệu ba trăm hai tám nghìn bốn trăm hai ba đồng*). Lô đất có vị trí tứ cận như sau: Phía bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị M1, lô đất ký hiệu B và C, phía nam giáp đất bà Nguyễn Thị Th1, phía đông giáp đường bê tông và lô đất ký hiệu C, phía tây giáp lô đất ký hiệu A.

(Có sơ đồ vị trí và phân chia kèm theo)

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn toàn bộ án phí cho các bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) theo Biên lai tạm ứng án phí, L1 phí Tòa án số 2231 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) theo Biên lai tạm ứng án phí, L1 phí Tòa án số 2230 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí là 47.589.000 đồng (*bốn bảy triệu năm trăm tám chín nghìn đồng*).

3.3 Các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H3 mỗi người phải chịu án phí là 26.893.000 đồng (*hai sáu triệu tám trăm chín ba nghìn đồng*).

4. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị H các chi phí tố tụng là 6.847.500 đồng (*sáu triệu tám trăm bốn bảy nghìn năm trăm đồng*), ông Nguyễn Văn Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị H các chi phí tố tụng là 8.559.375 đồng (*tám triệu năm trăm năm chín nghìn ba trăm bảy lăm đồng*), các ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H3 mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị H các chi phí tố tụng là 1.711.875 đồng (*một triệu bảy trăm mười một nghìn tám trăm bảy lăm đồng*).

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ PHÂN CHIA THỬA ĐẤT SỐ 57, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 08
KÈM THEO BẢN ÁN SỐ 18/2021/DS-ST NGÀY 20/9/2021**

